

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KONTUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HS-ST.
Ngày: 20/12/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quốc Mạnh - Bí thư Huyện đoàn Đăk Hà.

2. Bà Y Hiền - Chủ tịch Hội nông dân huyện Đăk Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường Nhà văn hóa UBND xã N, huyện Đ, tỉnh KonTum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. A D, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1996, tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Tơ Đra; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Đ (Đã chết) và bà Y N, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. A P, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2003, tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tơ Đra; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Kơ L, sinh năm 1960 và bà Y B, sinh năm: 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 24/8/2021 bị Công an xã N, huyện Đ xử phạt vi hành chính về hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác với hình thức cảnh cáo.

3. A V, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2006, tại tỉnh Kon Tum (tính đến ngày phạm tội bị cáo được 17 tuổi 10 tháng 18 ngày); nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon

Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tơ Đra; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A W, sinh năm 1986 và bà Y Đ1, sinh năm: 1982; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 24/10/2024 bị Công an huyện Đ xử phạt vi hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với số tiền 1.750.000 đồng.

4. A T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2001, tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tơ Đra; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A T1 (đã chết) và bà Y Y, sinh năm: 1978; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

+ Người bào chữa cho bị cáo A V có bà Đặng Thị Kim N1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh A S, sinh ngày 19/01/2007. Có mặt.

Trú tại: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh KonTum.

Người đại diện hợp pháp của anh A S là bà Y M, sinh năm 1980 (mẹ ruột). Trú tại: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh KonTum. Có mặt.

2. Chị Y H, sinh năm 1998. Có mặt.

Trú tại: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh KonTum.

- *Người làm chứng:* Anh A H1, sinh ngày 08/01/2007. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn K, xã V, thành phố K, tỉnh KonTum.

Người đại diện hợp pháp của anh A H1 là bà Y L1, sinh năm 1985 (mẹ ruột). Trú tại: Thôn K, xã V, thành phố K, tỉnh KonTum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/6/2024, A D đi xuống thôn K, xã V, thành phố K gặp và mua ma túy của người đàn ông tên T2 (*không biết nhân thân, lai lịch*) với số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, A D mang về nhà tại thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum và chia nhỏ thành 08 (*tám*) phần đựng trong 08 (*tám*) ống nhựa trong suốt, được hàn kín hai đầu, kích thước mỗi ống khoảng (2,5x1,2)cm nhằm mục đích để sử dụng dần và bán lại kiếm lời. A D đã sử dụng một mình hết 04 ống. Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 29/6/2024, A P đi đến nhà A D chơi, biết A P có sử dụng ma túy nên A D hỏi A P “Mày chơi không? Còn không muốn thì thôi” (*tức A D hỏi A P có muốn sử dụng ma túy đá cùng A D không*) thì A P đồng ý. Sau đó, A D lấy ma túy ra và cùng với A P sử dụng trái phép chất ma túy. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, A P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu WATASI, màu nâu, biển kiểm soát 60N6-3152 chở A D đến quán bida của anh Phạm

Minh T3 tại thôn K, xã N để chơi Bida. Trên đường đi, A D đã bỏ 02 (Hai) ống nhựa bên trong có chứa ma túy vào túi quần bên phải của A P đang mặc và nói “Mày cầm giùm anh hai cái, để khi nào có người mua thì mày đưa rồi lấy tiền cho anh” (tức A D nhờ A P cầm giùm hai ống nhựa chứa ma túy đá, để khi nào có người mua thì A P đưa ma túy rồi lấy tiền đưa lại cho A D) thì A P đồng ý.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/6/2024, A V rủ A H1 đi đến thôn K, xã N chơi. Khi đi ngang qua nhà A T thấy A T đang đứng ở sân nhà, A V nói với A T: “Lâu ngày anh em không chơi chung, góp tí tiền chơi chung đi” (tức A V rủ A T góp tiền để mua ma túy về sử dụng chung) thì A T đồng ý và đưa cho A V số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) rồi A V đi mua ma túy. Trong lúc A D, A P đang ngồi chơi phía trước quán bida của anh T3 thì nhìn thấy A V đi ngang qua nên A D gọi A V lại ngồi chơi cùng. Trong lúc ngồi chơi, A V hỏi mua ma túy đá với số tiền 200.000 đồng, A D đồng ý. A D nói A P đưa cho A V 01 (một) ống nhựa chứa ma túy đá, A V đưa cho A P số tiền 200.000 đồng, rồi A P đưa lại số tiền trên cho A D. Sau khi mua được ma túy, A V đi về nhà A T. Khi thấy A V đi mua ma túy về thì A T đi vào nhà lấy 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế, A V rủ A H1 ra khu vực chuồng dê phía sau nhà A T để sử dụng ma túy. Tại đây, A V đưa số ma túy mới mua được cho A T và A T đã xé ra đổ vào “nồi” rồi dùng quạt gas đốt dưới đáy “nồi” để cho ma túy bốc khói và sử dụng, trong quá trình sử dụng ma túy do A H1 không biết đốt nên nhờ A T đốt ma túy trong “nồi” để A H1 sử dụng; A V, A T và A H1 lần lượt sử dụng hết số ma túy trong “nồi”.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, do muốn có ma túy để lần sau sử dụng nên A V quay lại quán Bida của anh T3 gặp A P hỏi “Còn đồ không, em mua hai trăm nghìn” (tức còn ma túy không A V muốn mua với số tiền 200.000 đồng), thì A P nói đi lại chỗ A D đang ngồi và nói “Có bán cho nó không anh” (tức A P hỏi A D có đồng ý bán ma túy cho A V không) thì A D đồng ý và nói “Cứ đưa cho nó đi”. A P đi đến đưa cho A V 01 (Một) ống nhựa bên trong chứa ma túy đá và cầm lấy số tiền 200.000 đồng đưa lại cho A D. A V cất giấu đoạn ống nhựa bên trong có chứa ma túy trong túi quần bên phải của mình và đi về nhà tại thôn K, xã N.

Ngoài ra khoảng 21 giờ 40 phút ngày 29/6/2024, vì có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên A S nhắn tin cho A D qua ứng dụng Messenger để mua ma túy thì A D đồng ý và hẹn gặp ở quán B3. A D về nhà lấy 01 (Một) ống nhựa chứa ma túy còn lại mà A D đã cất giấu từ trước rồi mang ra quán bida của anh T3 đưa cho A S và cầm số tiền 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy A S về nhà lấy bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy và đi đến khu vực rẫy cà phê vắng người để sử dụng một mình.

Đến 00 giờ 05 phút ngày 30/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum kiểm tra, phát hiện bắt quả tang A V có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà thuộc thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành test nhanh chất ma túy trong cơ thể đối với A V, A D, A P và A T, A S và A H1, đồng thời thu giữ các đồ vật,

tài liệu liên quan. Kết quả: các đối tượng trên đều dương tính với ma túy đá loại Methamphetamin.

Tại Bản kết luận giám định số: 231/KL-KTHS, ngày 04/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh K, kết luận:

- Mẫu chất các hạt tinh thể rắn màu trắng (*kí hiệu M1 thu của A V*) được niêm phong trong phong bì thư thứ nhất gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng là: 0,065 gam.

- Mẫu chất rắn màu vàng nâu (*kí hiệu M2 thu trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy của A D*) được niêm phong trong phong bì thư thứ hai gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng là: 0,003 gam.

- Mẫu chất rắn màu vàng nâu (*kí hiệu M3 thu trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy của A S*) được niêm phong trong phong bì thư thứ ba gửi giám định không xác định được khối lượng, không đủ điều kiện để giám định.

Tại Bản Cáo trạng số 55/CT-VKSĐH ngày 21/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo A D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo A P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo A V, A T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà; các bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Đ vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng, quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh*: Đề nghị tuyên bố bị cáo A D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo A P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; các bị cáo A V, A T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- *Về điều luật áp dụng và hình phạt*:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo A D từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 02 năm đến

02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 09 năm đến 10 năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo A P từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo A V từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo A T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo A V là người dưới 18 tuổi phạm tội, các bị cáo A D, A P, A T đều không có công việc và có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và tất cả các vật chứng phục vụ cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy được thu giữ theo như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà. Tất cả được niêm phong trong một phong bì số 231/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh K và 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế thu giữ của các bị cáo A T, A D, A S1, 02 chiếc quạt gas thu giữ của các bị cáo A D và A T.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, nắp lưng màu xanh, gắn thẻ sim số “0793556219” của A D, tình trạng đã qua sử dụng và số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo Quyết định chuyển tiền tạm giữ ngày 28/11/2024, chuyển tiền vào tài khoản số 3949.0.1054046.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà.

Trả lại cho chị Y H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu WATASI, màu nâu, gắn biển kiểm soát 60N6-3152, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

* Người bào chữa cho bị cáo A V trình bày lời bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo A V thống nhất với cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo, thống nhất về tội danh, khung hình phạt và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đề nghị đối với bị cáo. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại thời điểm phạm tội bị cáo A V là người dưới 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế ngoài ra bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật nói chung cũng như hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nói riêng có phần hạn chế. Vì vậy, đề Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo A V ở mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật, các bị cáo hối hận về hành vi của mình và đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của những người làm chứng A H1. Xét thấy, người làm chứng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án và căn cứ định tội.*

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

[2.1] Đối với hành vi phạm tội của các bị cáo A D và A P: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 29/6/2024, tại nhà của bà Y N mẹ của bị cáo A D ở thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Bị cáo A D đã có hành vi chuẩn bị công cụ và cung cấp chất ma túy cho A P sử dụng trái phép và đến tối cùng ngày 29/6/2024, bị cáo A D đã cùng với bị cáo A P bán trái phép chất ma túy cho A V hai lần với số tiền là 400.000 đồng, mỗi lần 200.000 đồng ngoài ra bị cáo A D còn bán trái phép chất ma túy cho A S với số tiền 200.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà đã truy tố đối với bị cáo A D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo A P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với hành vi phạm tội của các bị cáo A V và A T: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 29/6/2024, bị cáo A V đã rủ bị cáo A T góp tiền để mua ma túy về sử dụng thì được A T đồng ý và đưa cho A V số tiền 150.000 đồng. Sau đó A V đi gặp A D và mua của A D 200.000 đồng ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, A V đi về nhà A T, khi thấy A V đi mua ma túy về thì A T đi vào nhà lấy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự

chế lúc này A V rủ A H1 đi ra khu vực chuồng dê phía sau nhà A T để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Tại đây, A V và A T đã tổ chức cho A H1 sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi khách quan của các bị cáo thể hiện rõ qua những hành động cụ thể nhằm đạt được mục đích và mong muốn là sử dụng trái phép chất ma túy, đưa ma túy vào cơ thể của người khác như: Thông nhất ý chí góp tiền mua ma túy để cùng sử dụng, chuẩn bị công cụ, dụng cụ để phục vụ cho việc sử dụng trái phép chất ma túy. Dấu hiệu này đã thỏa mãn cấu thành của tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và các văn bản hướng dẫn áp dụng đều không loại trừ trách nhiệm hình sự đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho người đồng phạm ngoài ra A V và A T còn tổ chức cho A H1 sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy, trong vụ án này bị cáo A V đã có hành vi tổ chức cho A T, A H1 sử dụng trái phép chất ma túy và bị cáo A T đã có hành vi tổ chức cho A V, A H2 sử dụng trái phép chất ma túy, tại thời điểm các bị cáo tổ chức cho A H1 sử dụng trái phép chất ma túy thì A H1 mới được 17 tuổi 05 tháng 21 ngày. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà đã truy tố các bị cáo A V, A T về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*Đối với hai người trở lên*” và “*Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Do tác hại của ma túy gây nguy hại lớn cho xã hội nên Bộ luật Hình sự đã quy định hình phạt nghiêm khắc đối với các tội phạm về ma túy. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp thực hiện các hành vi mua bán, tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi nói trên của các bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương; đặc biệt là tình hình tội phạm về ma túy hiện nay xảy ra ngày càng gia tăng. Xét thấy, đây là vụ án mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bần bạc, phân công vai trò cụ thể của từng người. Trong hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo A D và A P thì bị cáo A D là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực, bị cáo A P tham gia với vai trò thực hành, giúp sức cho bị cáo A D mua bán trái phép chất ma túy; trong hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo A V và A T thì bị cáo A V là người khởi xướng, rủ rê bị cáo A T cùng góp tiền, bị cáo A T ngoài việc góp tiền mua ma túy còn chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy và cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo và cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về nhân thân: Trước khi phạm tội các bị cáo A D, A V và A T đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; riêng bị cáo A P ngày 24/8/2021 bị Công an xã N, huyện Đ xử phạt vi hành chính về hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác với hình thức cảnh cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về quyết định hình phạt:* Đối với bị cáo A V khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên áp dụng các nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở thôn, xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật nói chung cũng như hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nói riêng có phần hạn chế. Vì vậy, cần xem xét cân nhắc cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo A V là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung; đối với bị cáo A D, A P, A T không có nghề nghiệp, có thu nhập không ổn định và là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở thôn, xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] *Về xử lý vật chứng của vụ án:*

Đối với các mẫu vật được thu giữ và hoàn trả sau giám định gồm: 01 (một) mẫu giấy màu xanh trắng, trên mẫu giấy có ghi số “15.000đ”, kích thước khoảng (2,5x1,5) cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt, kích thước khoảng (2x1,2) cm; 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng đục, được uốn cong, một đầu quấn băng keo đen; 01 (một) đoạn ống thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh có hình cầu, miệng hở; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt; 03 (ba) phong bì thư đựng mẫu vật và mẫu vật gửi giám định sau khi đã sử dụng một phần mẫu vật để giám định, còn lại bao nhiêu hoàn trả lại hết cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Mẫu chất rắn vụn nâu (ký hiệu M2) đã được sử dụng hết trong quá trình giám định. Mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M1) còn lại đựng trong 01 (một) túi ni lông, có khối lượng đã trừ bì là: 0,062 gam.

Tất cả được niêm phong trong một phong bì số 231/KL-KTHS của Phòng K công an tỉnh K và 03 bộ dụng cụ sử dụng mà túy tự chế thu giữ của A T, A D, A S1, 02 chiếc quạt gas thu giữ của A D và A T. Xét thấy, ma túy là chất Nhà nước cấm tàng trữ trái phép và những vật dụng là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện hành vi

phạm tội nên căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng nói trên.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, nắp lưng màu xanh, bên trong có gắn thẻ sim số “0793556219” đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của bị cáo A D. Ngày 29/6/2024, bị cáo A D sử dụng điện thoại này làm phương tiện liên lạc mua bán trái phép cho A S nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước và số tiền 600.000 đồng mà bị cáo A D đã bán ma túy cho A V và A S, đây là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu WATASI, màu nâu, biển kiểm soát 60N6-3152, đã qua sử dụng có nguồn gốc là của chị Y H mua lại tại một cửa hàng xe máy cũ tại thành phố K và sử dụng làm phương tiện đi lại: Ngày 29/6/2024, A D tự ý lấy xe mô tô nói trên của chị Y H để đi sau đó thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy; việc bị cáo A D sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện để đi mua bán trái phép chất ma túy cho A V, A S thì chị Y H hoàn toàn không biết nên trả lại xe mô tô nhãn hiệu WATASI, màu nâu, biển kiểm soát 60N6-3152, đã qua sử dụng cho chị Y H quản lý, sử dụng.

[8] Một số nội dung có liên quan:

Đối với người đàn ông tên T2, theo lời khai của bị cáo A D là người đã bán ma túy cho bị can A D vào ngày 27/6/2024, ở khu vực thôn K, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành xác minh tại Công an xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối với người thanh niên tên T2, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của A S và A H1 vào ngày 29/6/2024: Ngày 24/10/2024, Công an huyện Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với mức phạt mỗi người 750.000 đồng đối với A S và A H1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép 0,065 gam ma túy, loại Methamphetamine của A V. Ngày 24/10/2024 bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với số tiền 1.750.000 đồng

[9] *Án phí hình sự sơ thẩm:* Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở thôn, xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc; tại phiên tòa các bị cáo đều xin được miễn án phí nên miễn án phí cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo A D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; bị cáo A P phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; các bị cáo A V, A T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo A D 07 (*Bảy*) năm 03 (*Ba*) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo A D 02 (*Hai*) năm tù.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015. Buộc bị cáo A D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (*Chín*) năm 03 (*Ba*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/6/2024.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo A P 07 (*Bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/6/2024.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo A V 05 (*Năm*) năm 04 (*Bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/6/2024.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1; Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo A T 07 (*Bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/6/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy và các mẫu vật hoàn trả sau giám định gồm: 01 (một) mẫu giấy màu xanh trắng, trên mẫu giấy có ghi số “15.000đ”, kích thước khoảng (2,5x1,5) cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt, kích thước khoảng (2x1,2) cm; 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng đục, được uốn cong, một đầu quấn băng keo đen; 01 (một) đoạn ống thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh có hình cầu, miệng hở; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt; 03 (ba) phong bì thư đựng mẫu vật và mẫu vật gửi giám định sau khi đã sử dụng một phần mẫu vật để giám định, còn lại bao nhiêu hoàn trả lại hết cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Mẫu chất rắn vắn nâu (ký hiệu M2) đã được sử dụng hết trong quá trình giám định. Mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M1) còn lại đựng trong 01 (một) túi ni lông, có khối lượng đã trừ bì là: 0,062 gam.

Tất cả được niêm phong trong một phong bì mặt trước có in nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 231/KL-KTHS”, mặt sau có các hình dấu tròn có nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH KON TUM” và có các chữ ký, chữ viết của Nguyễn Hàn N2, Đinh Hữu D1 tại mép dán. Tịch thu tiêu hủy 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế thu giữ của các bị cáo A T, A D, A S1 và 02 chiếc quạt gas thu giữ của các bị cáo A D và A T.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, nắp lưng màu xanh, gắn thẻ sim số “0793556219” của A D, tình trạng đã qua sử dụng và số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo quyết định chuyên tiền tạm giữ ngày 28/11/2024, chuyển tiền vào tài khoản số 3949.0.1054046.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà.

- Trả lại cho chị Y H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu WATASI, màu nâu, gắn biển kiểm soát 60N6-3152, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

(Tất cả các vật chứng trên có đặc điểm theo như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo A D, A P, A V và A T được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/12/2024) các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Cơ quan ĐTCA huyện Đắk Hà;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Các bị cáo, đương sự khác;
- Sơ Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến

